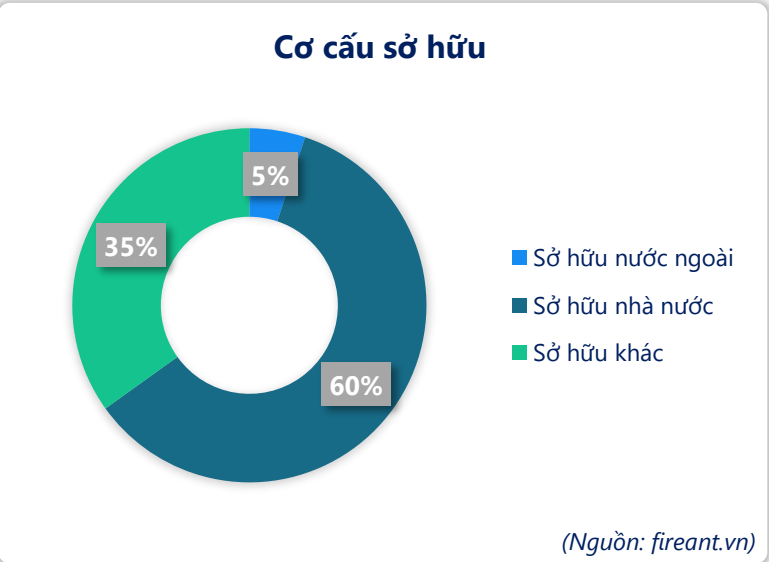
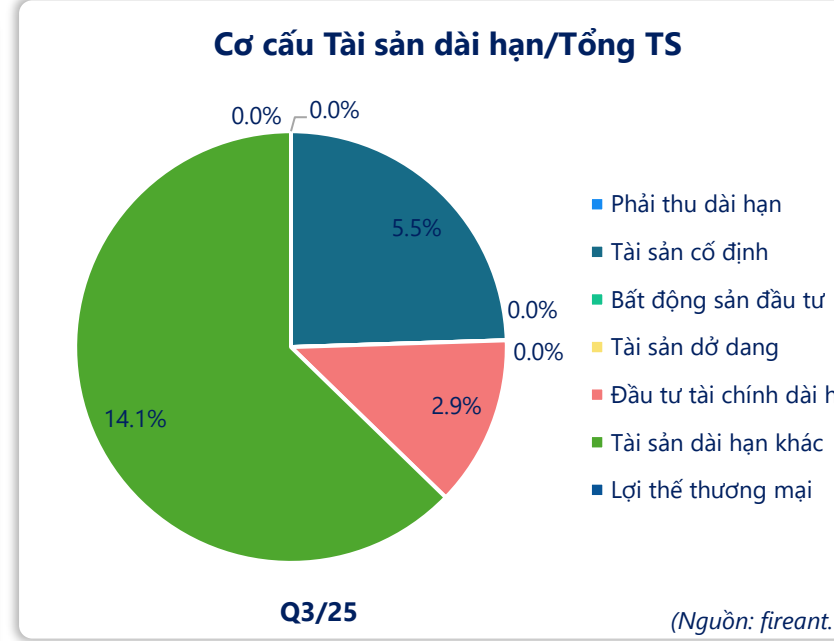
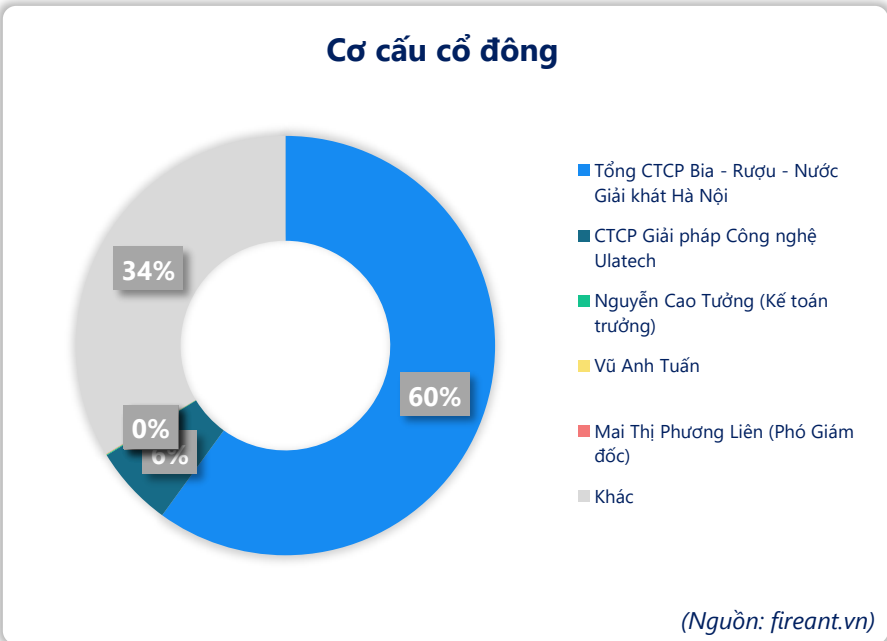
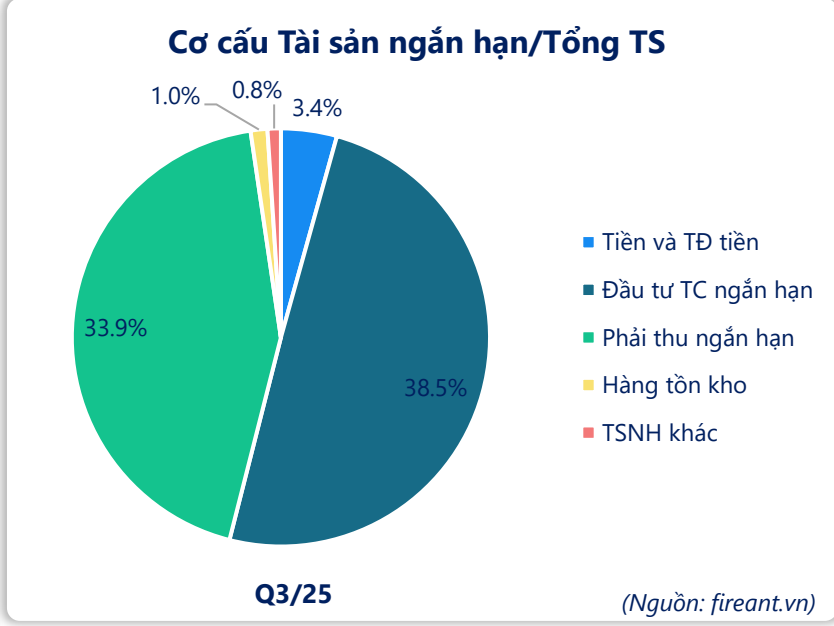
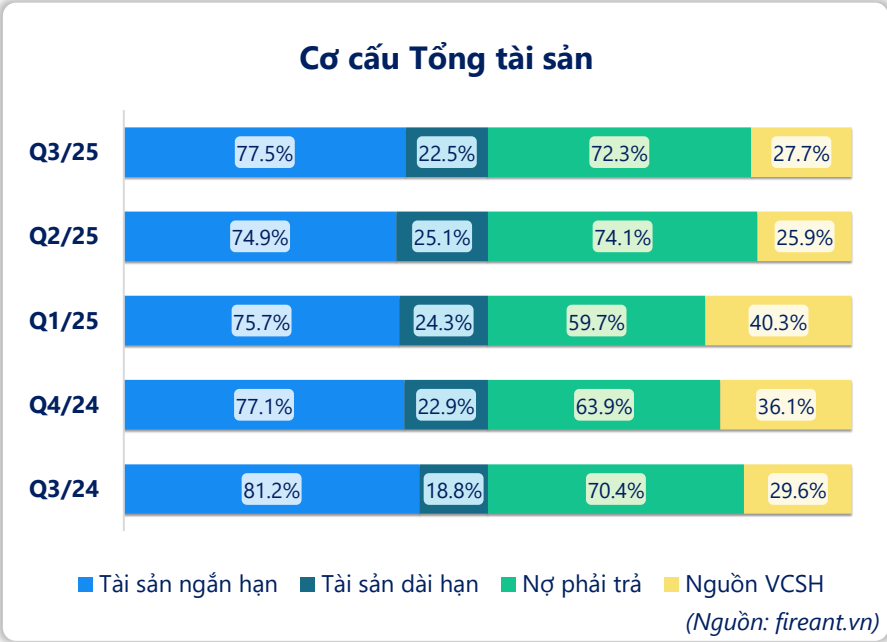


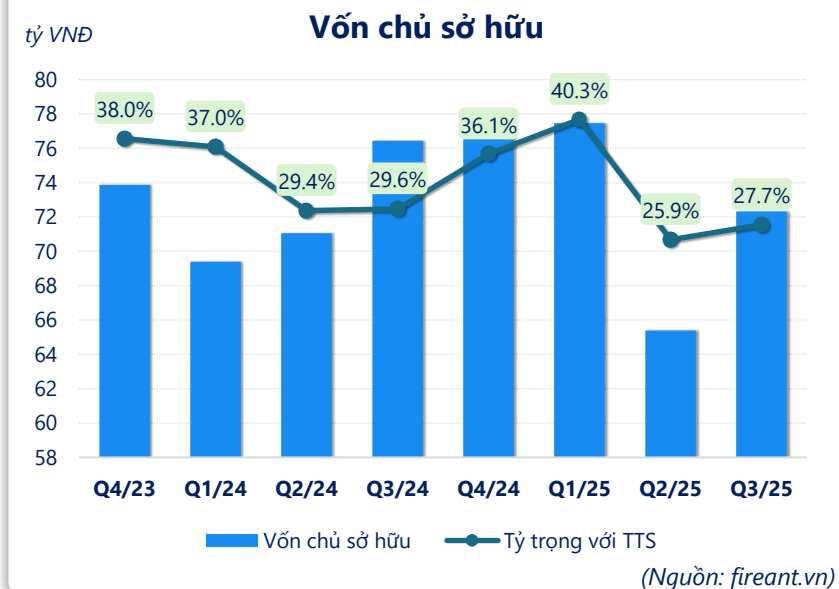
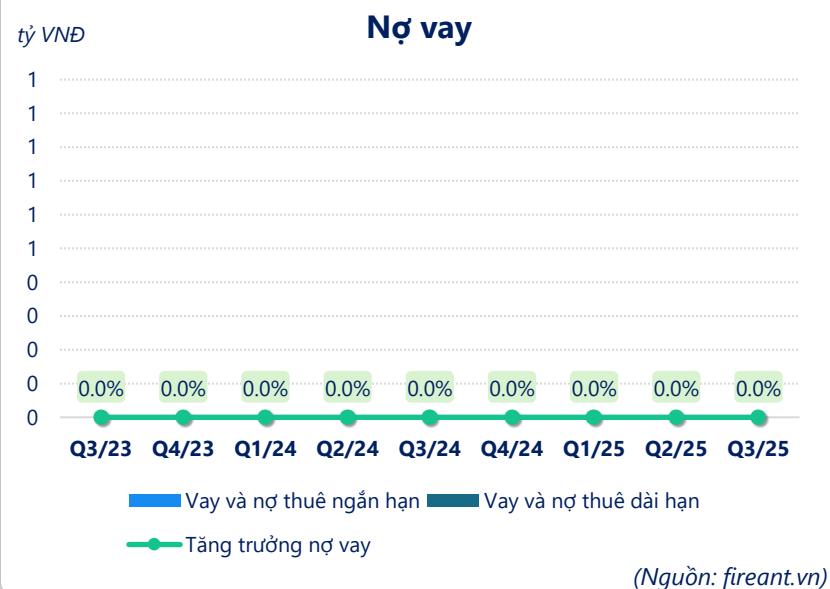
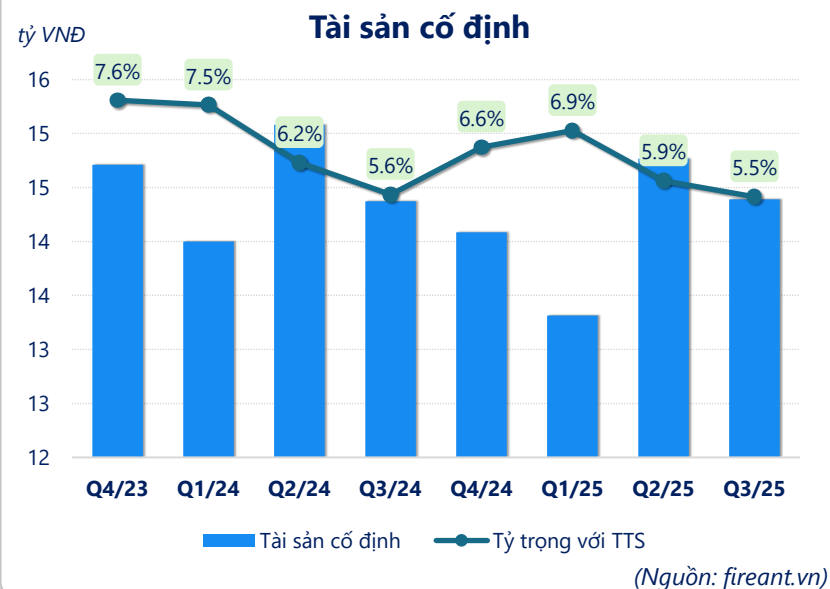
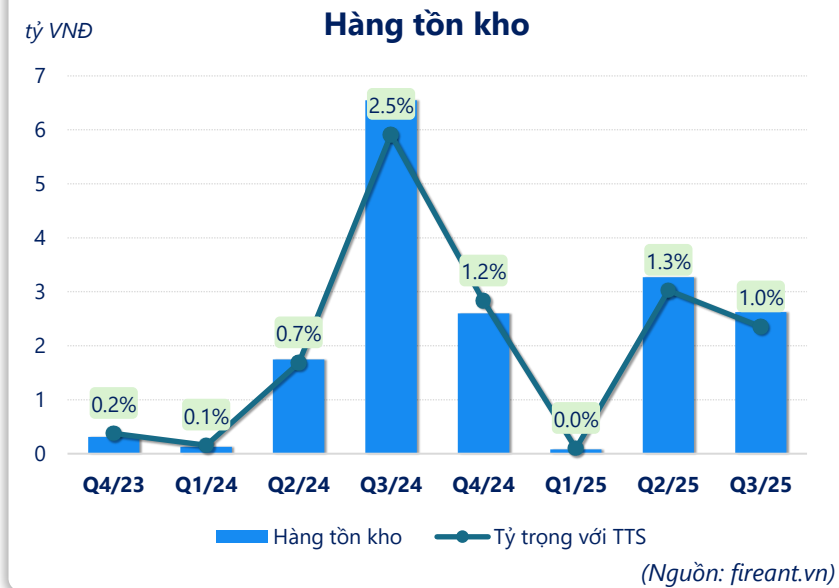
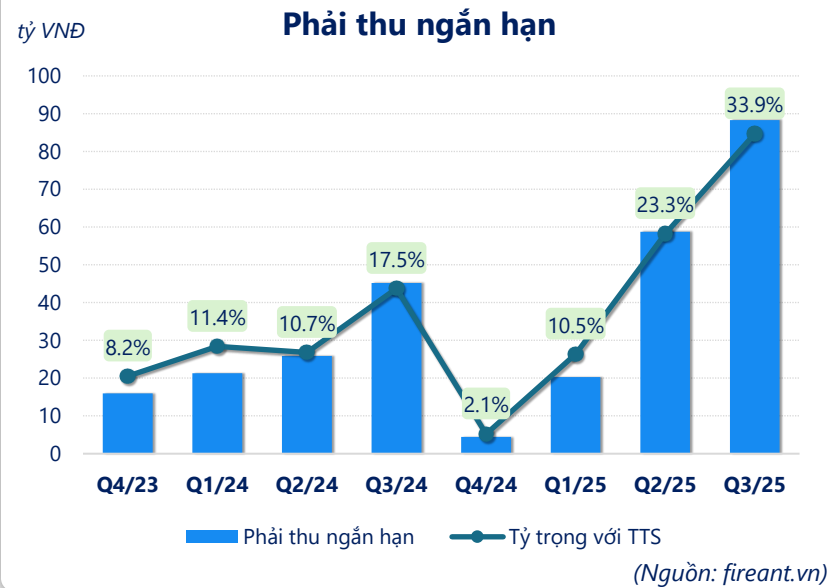
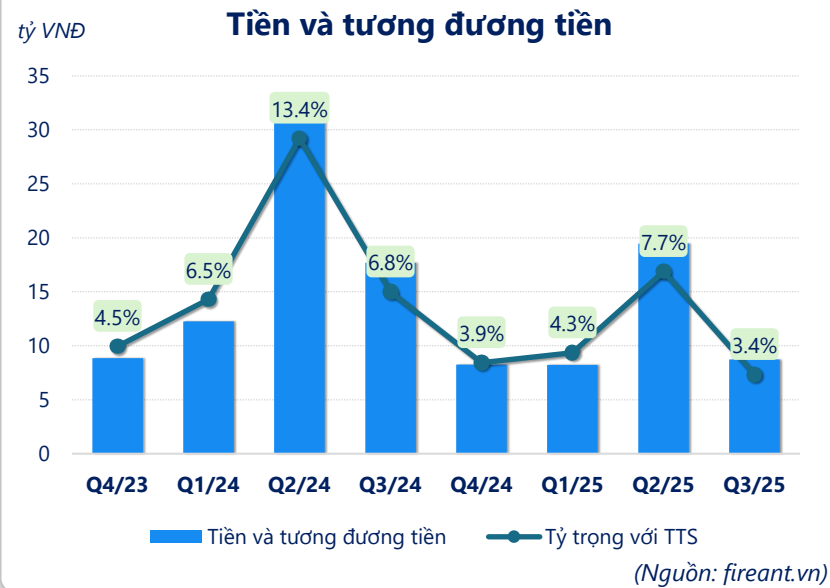
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		49,179
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		34,528
SL cổ phiếu LH		3,123,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,340
% sở hữu nước ngoài		5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		127
P/E		11.3
EPS		3,597

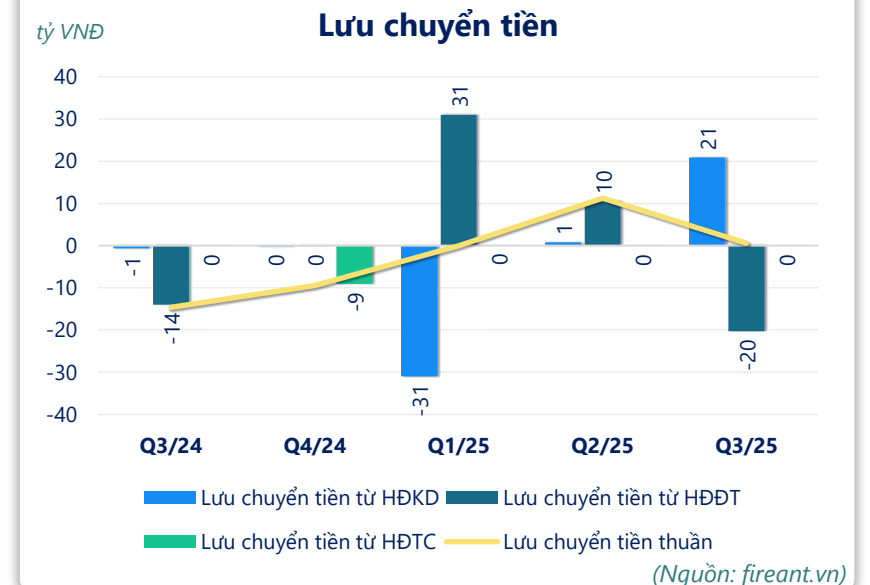
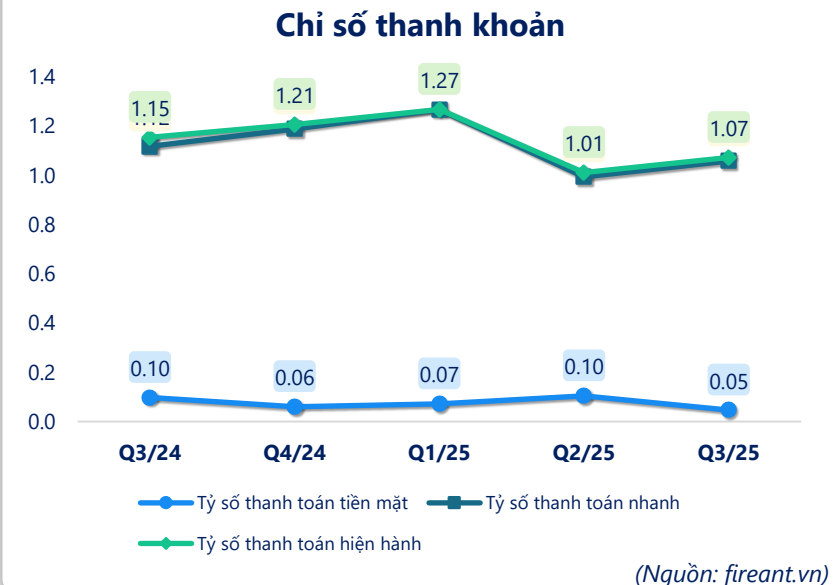
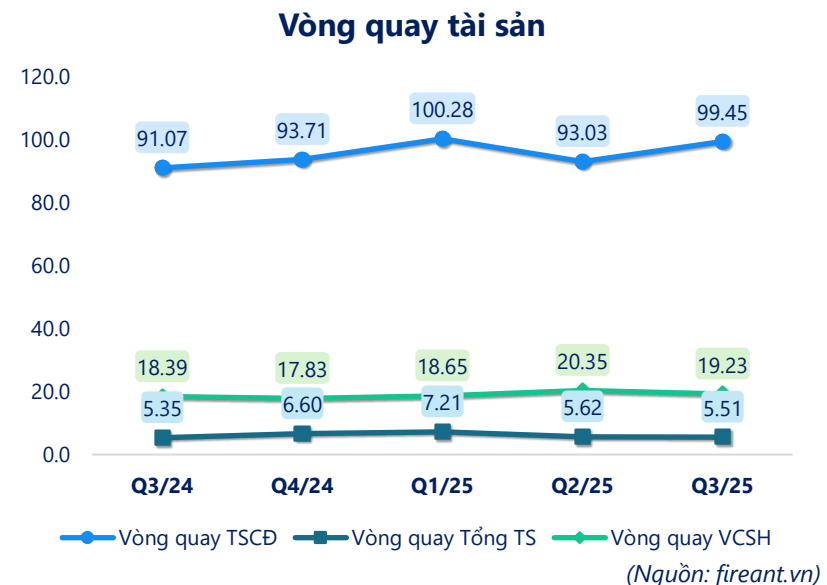
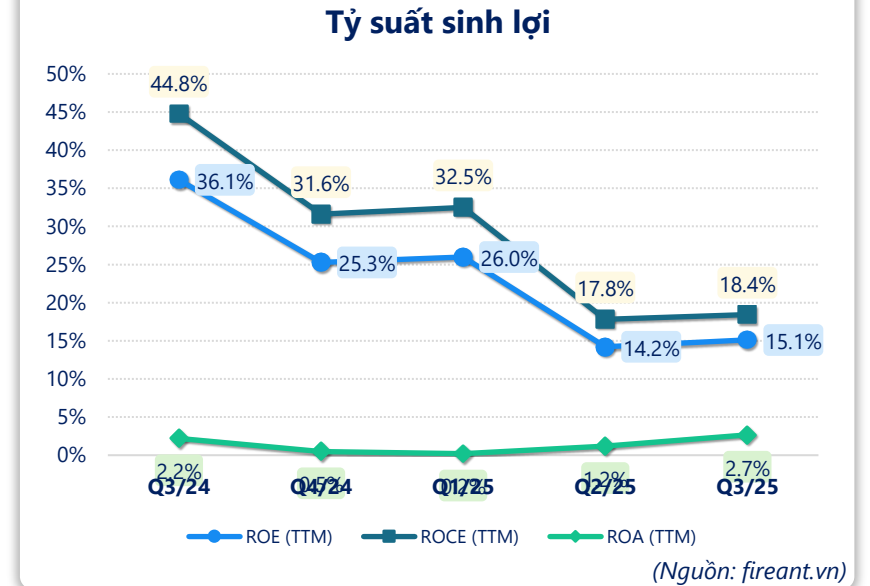
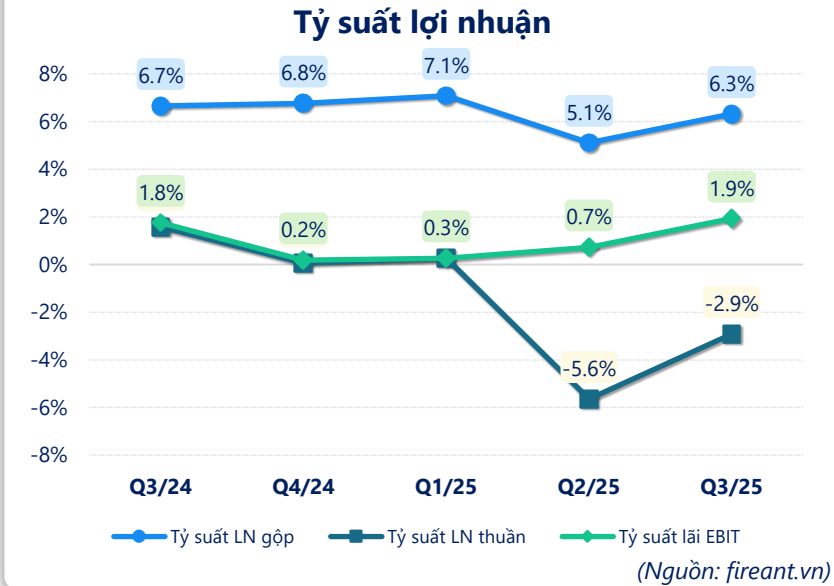
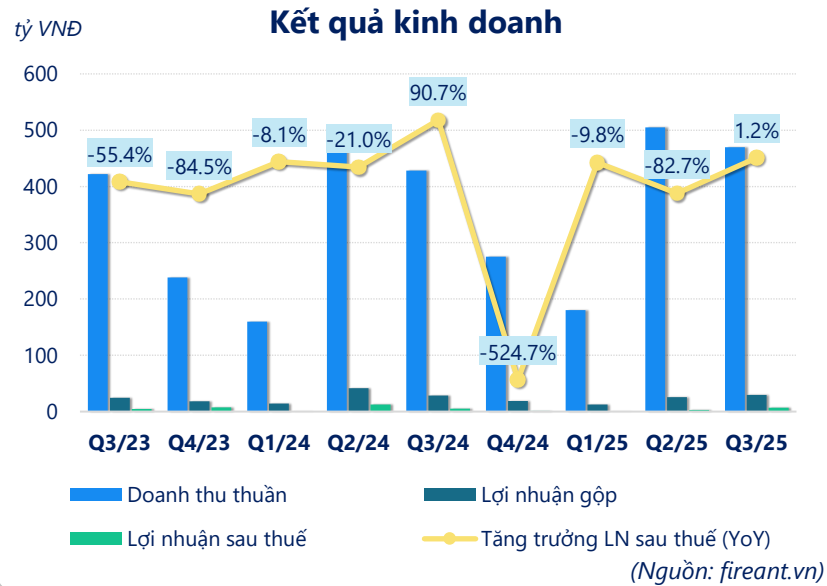
	YTD	1T	3T	6T
HAT	4.3%	3.4%	-2.6%	-11.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Thương mại Bia Hà Nội (HNX: HAT)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	261	215	21.1%
Tài sản ngắn hạn	202	166	22.0%
Tiền và tương đương tiền	8.74	8.26	5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	140	-28.4%
Phải thu ngắn hạn	88.3	4.48	1872%
Hàng tồn kho	2.63	2.54	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.08	10.4	-80.0%
Tài sản dài hạn	58.7	49.7	18.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.4	14.1	2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	36.8	28.1	30.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	188	138	36.3%
Nợ ngắn hạn	188	138	36.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.18	15.5	-98.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	72.3	77.1	-6.2%
Vốn chủ sở hữu	72.3	77.1	-6.2%
Vốn điều lệ	31.2	31.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	428	275	180	505	470
Giá vốn hàng bán	399	257	167	479	440
Lợi nhuận gộp	28.5	18.6	12.8	25.8	29.7
Doanh thu HĐTC	1.43	3.62	0.86	1.83	0.81
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.2	14.9	10.4	48.1	39.2
Chi phí QLDN	3.92	7.16	2.75	8.01	5.02
LN thuần từ HĐKD	6.75	0.16	0.48	-28.5	-13.7
Lợi nhuận khác	0.76	0.35	0.00	32.1	22.8
LN trước thuế	7.51	0.51	0.48	3.65	9.07
Lợi nhuận sau thuế	5.39	1.01	0.38	2.92	6.92
LNST của CĐ cty mẹ	5.39	1.01	0.38	2.92	6.92

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.65	-0.21	-31.0	0.77	20.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.0	-0.14	31.0	10.5	-20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-9.07	0.00	-0.02	-0.03
Tiền đầu kỳ	32.3	17.7	8.26	8.21	8.21
Lưu chuyển tiền thuần	-14.6	-9.42	-0.05	11.2	0.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.7	8.26	8.21	19.4	8.74

(Nguồn: fireant.vn)